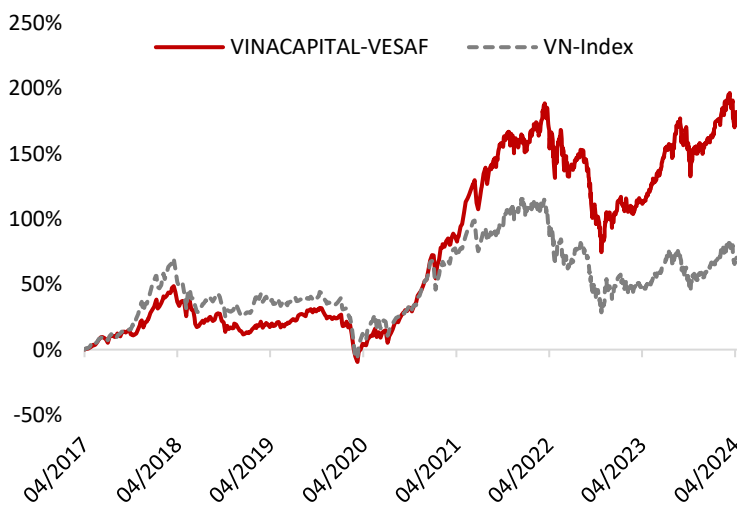


Tối đa hóa lợi nhuận đầu tư từ trung đến dài hạn bằng cách tập trung chủ yếu vào các cổ phiếu vốn hóa vừa và nhỏ có tiềm năng tăng trưởng lợi nhuận cao, dòng tiền kinh doanh ổn định và mức định giá thấp; các cổ phiếu được nhà đầu tư nước ngoài quan tâm nhưng hết room ngoại.

Tăng trưởng NAV từ ngày thành lập



Dữ liệu trên là kết quả đầu tư trong quá khứ và không phản ánh hiệu quả đầu tư trong tương lai. Lợi nhuận đầu tư và vốn đầu tư sẽ thay đổi do đó Quý nhà đầu tư có thể lời hoặc lỗ khi bán chứng chỉ quỹ. Kết quả đầu tư hiện tại có thể cao hơn hoặc thấp hơn giá trị thể hiện ở trên.

Hiệu suất đầu tư của quỹ VESAF

	VINACAPITAL-VESAF	VN-Index
Tổng tài sản (tỷ VNĐ)	1,882.1	
Giá trị tài sản ròng/CCQ (VNĐ)	28,205.1	
Lợi nhuận tháng 04/2024 (%)	(4.3)	(5.8)
Lợi nhuận từ đầu năm 2024 (%)	9.2	7.0
Lợi nhuận kép trung bình 3 năm (%)	14.7	(0.8)
Lợi nhuận kép trung bình hàng năm từ khi thành lập (%)	15.9	7.9
Lợi nhuận từ ngày thành lập (%)	182.1	70.5

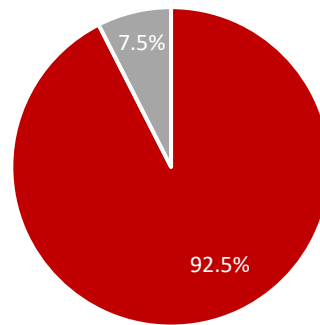
(Giá trị tài sản ròng của quỹ đã trừ đi các chi phí vận hành và phí quản lý)

Bộ phận Quan hệ Nhà đầu tư: irwm@vinacapital.com

Tel: +84 28 38 27 85 35

Phân bổ tài sản

% Giá trị tài sản ròng



■ Cổ phiếu ■ Tiền và tương đương tiền

Thông tin quỹ

Ngày thành lập	18/04/2017
Phí quản lý	1.75%/năm
Phí phát hành	0.0%
Phí mua lại	2.0% < 12 tháng
	1.5% >= 12 tháng
	0.5% >= 24 tháng
Thuế thu nhập cá nhân	0.1%
Ngân hàng Giám sát và Lưu ký	Ngân hàng Standard Chartered Việt Nam
Công ty kiểm toán	PwC Việt Nam
Tần suất giao dịch	Hàng ngày, từ thứ Hai đến thứ Sáu
Chỉ số tham chiếu	VN-Index

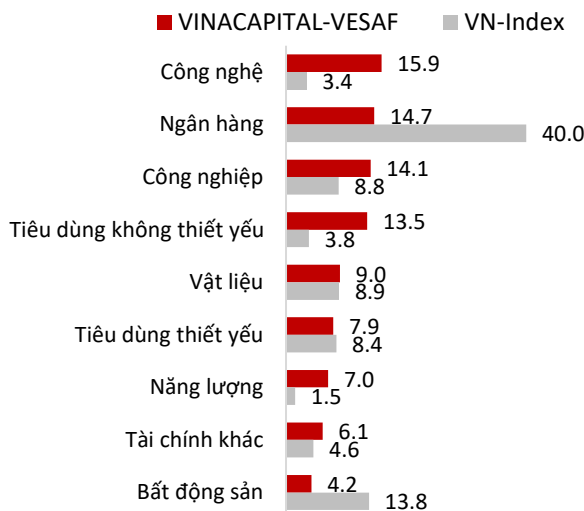
Chỉ số danh mục cổ phiếu

	VINACAPITAL-VESAF	VN-Index
Chỉ số P/E 2024 (x)	10.5	11.2
Chỉ số P/B 2024 (x)	2.4	1.6
Chỉ số ROE 2024 (%)	22.4	14.1
Tỷ suất cổ tức (%)	2.9	2.8
Vòng quay danh mục 12 tháng (%)	18.9	-
Hệ số Sharpe	0.6	0.2
Số lượng cổ phiếu	26	420

Nguồn: Bloomberg, dự báo của VinaCapital

Phân bổ theo ngành

% Giá trị tài sản ròng



Danh mục đầu tư lớn

Cổ phiếu	Ngành	% Giá trị tài sản ròng
FPT	Công nghệ	15.9
MBB	Ngân hàng	10.9
PTB	Tiêu dùng không thiết yếu	4.7
MWG	Tiêu dùng không thiết yếu	4.6
PVS	Năng lượng	4.4
PNJ	Tiêu dùng không thiết yếu	4.2
QNS	Tiêu dùng thiết yếu	3.9
FMC	Tiêu dùng thiết yếu	3.9
STB	Ngân hàng	3.8
DPR	Vật liệu	3.6

Cập nhật thị trường và quỹ VINACAPITAL-VESAF

CẬP NHẬT THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN

Sau khi tăng liên tục 5 tháng trước đó, chỉ số VN-Index giảm 5,8% trong tháng 4. Tính từ đầu năm, chỉ số VN-Index vẫn tăng được 7,0%.

Với việc VN-Index đã tăng 25% từ đầu tháng 11/2023 đến hết tháng 3/2024, và một số cổ phiếu đã có mức tăng trên dưới 50%, việc thị trường chứng khoán (TTCK) dễ dàng bị tác động bởi một vài thông tin tiêu cực là điều không quá bất ngờ. Tỷ giá USD/VND đã tăng 2,2% trong tháng 4 và 4,4% tính từ đầu năm. Việc tỷ giá tăng gây ra nhiều thách thức hơn cho chính sách điều hành tiền tệ của Ngân hàng Nhà nước và tạo ra áp lực tăng lãi suất. Trên thị trường quốc tế, đồng USD tiếp tục duy trì vị thế mạnh do Cục Dự trữ liên bang Mỹ (Fed) trì hoãn việc cắt giảm lãi suất. TTCK quốc tế cũng diễn biến không được tích cực với việc chỉ số MSCI Toàn cầu giảm 3,4% trong tháng 4.

Trên TTCK Việt Nam, hầu hết các nhóm ngành đều giảm trong tháng 4, ngoại trừ ngành Công nghệ thông tin có mức tăng 4,8% - được dẫn dắt bởi FPT với thương vụ hợp tác với NVIDIA để xây dựng trung tâm dữ liệu phục vụ cho trí tuệ nhân tạo (AI), và ngành Hàng tiêu dùng không thiết yếu tăng 1,2% - nhờ vào kết quả kinh doanh tích cực quý 1 của MWG và FRT. Ở chiều ngược lại, ngành Chứng khoán giảm 11,6%, là ngành giảm mạnh nhất trên thị trường, tiếp theo là Bất động sản giảm 9,3%, và Vật liệu giảm 8,1%.

Thanh khoản của TTCK giảm, với giá trị giao dịch trung bình mỗi ngày đạt 24,4 nghìn tỷ đồng trong tháng 4, giảm 18% so với tháng 3. Khối ngoại tiếp tục duy trì trạng thái bán ròng, với giá trị bán ròng trong tháng 4 là 5,3 nghìn tỷ đồng, tính trên cả 3 sàn, đưa giá trị bán ròng trong 4 tháng đầu năm lên 16,9 nghìn tỷ đồng.

Kết quả kinh doanh quý 1 của các công ty niêm yết phần nào cho thấy sự tương đồng với bức tranh kinh tế vĩ mô ở quý 1 (đã được đề cập ở báo cáo tháng 3), đó là nền kinh tế đang dần hồi phục. Lợi nhuận sau thuế trong quý 1/2024 của các công ty niêm yết tính chung trên cả ba sàn tăng 12,1% so với cùng kỳ năm trước. Nếu loại trừ nhóm công ty thuộc Tập đoàn Vingroup (có lợi nhuận bất thường lớn và việc ghi nhận lợi nhuận mang tính thời điểm), con số tăng trưởng lợi nhuận quý 1 của các công ty niêm yết sẽ ở mức tích cực hơn là 15,2%. Nếu nhìn theo ngành, chỉ có 3/11 ngành có lợi nhuận quý 1 giảm so với cùng kỳ là Bất động sản, Tiện ích và Chăm sóc sức khỏe. Các ngành còn lại đều ghi nhận tăng trưởng lợi nhuận.

Chúng tôi cho rằng TTCK vẫn còn có thể chịu áp lực từ tỷ giá và lãi suất trong một thời gian ngắn nữa. Tuy nhiên, với việc nền kinh tế đang trên đà hồi phục và nhiều doanh nghiệp niêm yết đã ghi nhận kết quả kinh doanh tích cực trong quý 1, chúng ta có thể kỳ vọng TTCK sẽ có triển vọng tích cực trong nửa sau của năm 2024.

CẬP NHẬT QUỸ VINACAPITAL-VESAF

Quỹ VINACAPITAL-VESAF giảm 4,3% trong tháng 4, do ảnh hưởng của thị trường chung khi VN-Index giảm 5,8%. FPT và MWG có mức tăng trưởng dương lần lượt là 5,8% và 7,4%, đóng góp tích cực cho danh mục, trong khi hai cổ phiếu ngân hàng MBB và STB giảm 12,4% và 10,8% trong tháng 4.

Các con số lợi nhuận doanh nghiệp công bố trong quý 1 và những kỳ vọng về lợi nhuận của cả năm đã và đang ảnh hưởng nhiều nhất đến biến động giá cổ phiếu, trong bối cảnh các nhà đầu tư đang theo dõi sát sao sự phục hồi không đồng đều của các ngành trong giai đoạn đầu của sự hồi phục. Khi xây dựng danh mục, chúng tôi không chỉ xem xét đến những yếu tố lợi nhuận ngắn hạn, mà còn kết hợp những dự báo dài hạn hơn về khả năng duy trì tăng trưởng trong các năm sau, cùng với định giá và khả năng cổ phiếu được định giá lại. Danh mục của VINACAPITAL-VESAF đang tập trung nhiều hơn vào một số công ty được hưởng lợi từ các chủ đề đầu tư chính năm nay là sự hồi phục xuất khẩu (chiếm tỷ trọng 29% của danh mục vào cuối tháng 4/2024) và phục hồi tiêu dùng trong nước (tỷ trọng 13%), ngoài những công ty nằm trong chủ đề đầu tư từ các năm trước và vẫn tích cực trong năm nay: đầu tư hạ tầng (10%) và công nghệ (16%). Cùng với đó, những công ty nhạy cảm với lãi suất như ngân hàng, chứng khoán và bất động sản cũng chiếm tỷ trọng 24%. Mức lãi suất hiện tại dù được cho là đã chạm đáy và sẽ tăng nhẹ (dưới áp lực biến động tỷ giá), những vẫn là một mức lãi suất thấp và hỗ trợ cho sự hồi phục kinh tế.

Chúng tôi tiếp tục giải ngân trong những lúc thị trường biến động trong tháng 4, tăng tỷ trọng các cổ phiếu ngành chứng khoán, công nghệ, bất động sản và những công ty xuất khẩu.

Lợi nhuận hằng tháng

	T1	T2	T3	T4	T5	T6	T7	T8	T9	T10	T11	T12	LN từ đầu năm
2022	-0.8%	4.9%	3.9%	-5.6%	-2.9%	-5.8%	-1.6%	5.5%	-10.2%	-11.3%	-1.8%	-0.1%	-24.4%
2023	9.9%	-5.2%	2.1%	1.8%	5.7%	3.5%	9.4%	3.8%	-1.2%	-11.2%	8.2%	2.5%	30.9%
2024	2.5%	5.7%	5.2%	-4.3%									9.2%

Thông tin quan trọng

Những thông tin trên đây do Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ VinaCapital ("Công ty") soạn thảo và/hoặc có thể được cập nhật, sửa đổi, điều chỉnh và xác minh thêm mà không cần phải thông báo. Thông tin trên không tạo thành và/hoặc hình thành nên một phần của bất kỳ chào bán nào hoặc đề nghị mua hoặc đăng ký mua bất kỳ chứng khoán nào cũng như không tạo thành căn cứ hoặc liên quan đến hoặc coi như là sự dẫn dụ tham gia vào bất kỳ hợp đồng hoặc cam kết dưới bất kỳ hình thức nào. Đối với những thông tin dự báo dựa trên việc ước tính và/hoặc ý kiến của Công ty tại thời điểm thông tin được đưa ra, Công ty sẽ không có nghĩa vụ cập nhật và/hoặc chỉnh sửa nếu các tình huống có thay đổi.